|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP** Số: /2025/TT-BTP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2025*  |

|  |
| --- |
|  **DỰ THẢO**  |

**THÔNG TƯ**

**Quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Tư pháp**

*Căn cứ Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*

 *Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Tư pháp;*

 *Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Tư pháp.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan, đơn vị trong ngành Tư pháp.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 3. Thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Tư pháp**

1. Thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Tư pháp bao gồm lưu trữ vĩnh viễn và lưu trữ có thời hạn, áp dụng với hồ sơ, tài liệu trong các lĩnh vực công tác sau:

a) Hồ sơ, tài liệu công tác xây dựng pháp luật;

b) Hồ sơ, tài liệu pháp luật quốc tế và hợp tác quốc tế về pháp luật;

c) Hồ sơ, tài liệu xử lý vi phạm hành chính, theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

d) Hồ sơ, tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật; chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải ở cơ sở, hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp nhỏ và vừa;

đ) Hồ sơ, tài liệu kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

e) Hồ sơ, tài liệu thi hành án dân sự, thi hành án hành chính;

g) Hồ sơ, tài liệu bồi thường nhà nước;

h) Hồ sơ, tài liệu hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;

i) Hồ sơ, tài liệu lý lịch tư pháp;

k) Hồ sơ, tài liệu con nuôi;

l) Hồ sơ, tài liệu bổ trợ tư pháp;

m) Hồ sơ, tài liệu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng;

n) Hồ sơ, tài liệu trợ giúp pháp lý.

2. Thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu trong các lĩnh vực công tác nêu tại khoản 1 thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 4. Điều khoản thi hành**

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày … tháng … năm 2025.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Chánh Văn phòng Bộ Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong ngành Tư pháp và cơ quan, tổ chức, các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân phản ánh về Bộ Tư pháp để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Thủ tướng Chính phủ, các Phó thủ tướng Chính phủ;- Văn phòng Trung ương Đảng;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Cơ quan TW của các tổ chức chính trị - xã hội;- HĐND; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);- Công báo Chính phủ; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;- Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp;- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;- Lưu: VT, VP. | **BỘ TRƯỞNG****Nguyễn Hải Ninh** |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP**  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

 **PHỤ LỤC**

**THỜI HẠN LƯU TRỮ HỒ SƠ, TÀI LIỆU NGÀNH TƯ PHÁP**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BTP ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

| **STT** | **Tên nhóm hồ sơ, tài liệu** | **Thời hạn lưu trữ** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **1. Hồ sơ, tài liệu công tác xây dựng pháp luật** |  |
|  | Hồ sơ xây dựng đề nghị, dự án, dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Quốc hội, UBTVQH | Vĩnh viễn |  |
|  | Hồ sơ lập đề nghị của Chính phủ về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh  | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ xây dựng đề nghị, dự án văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ | 50 năm |  |
|  | Hồ sơ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của chính quyền địa phương (Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện) | 30 năm |  |
|  | Hồ sơ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của chính quyền cấp xã | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ thẩm định, thẩm tra đề nghị, dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Quốc hội, UBTVQH  | Vĩnh viễn |  |
|  | Hồ sơ thẩm định, thẩm tra đề nghị, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ | 50 năm |  |
|  | Hồ sơ thẩm định, thẩm tra xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của chính quyền địa phương (Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện) | 30 năm |  |
|  | Văn bản góp ý văn bản quy phạm pháp luật gửi cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan thẩm tra, cơ quan ban hành văn bản | 20 năm |  |
|  | Văn bản ban hành danh mục, phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, triển khai, đôn đốc, hướng dẫn nghiệp vụ  | 20 năm |  |
|  | **2. Hồ sơ, tài liệu pháp luật quốc tế và hợp tác quốc tế về pháp luật**  |
|  | Hồ sơ xây dựng, ban hành Quy chế đối ngoại của Bộ Tư pháp | 20 năm  |  |
|  | Hồ sơ xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định dự thảo điều ước, thỏa thuận quốc tế về hợp tác với nước ngoài về cải cách tư pháp và pháp luật  |  |  |
| - Được duyệt | 70 năm  |  |
| - Không được duyệt | 05 năm  |  |
|  | Hồ sơ về việc đề xuất ký kết các điều ước quốc tế, hợp tác quốc tế |  |  |
| - Được duyệt | 70 năm  |  |
| - Không được duyệt | 05 năm  |  |
|  | Hồ sơ, tài liệu giải quyết pháp lý các tranh chấp về đầu tư quốc tế do Bộ Tư pháp chủ trì  | Vĩnh viễn |  |
|  | Hồ sơ, tài liệu về việc phối hợp giải quyết tranh chấp, xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật quốc tế  | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ, tài liệu thực hiện các ủy thác tư pháp về dân sự có yếu tố nước ngoài | 10 năm |  |
|  | Hồ sơ, tài liệu về hoạt động của Cơ quan đầu mối quốc gia trong thực thi Công ước và các phán quyết của trọng tài nước ngoài | 20 năm |  |
|  | **3. Hồ sơ, tài liệu xử lý vi phạm hành chính, theo dõi tình hình** **thi hành pháp luật**  |  |
|  | Hồ sơ kiểm tra tình hình thi hành pháp luật | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.  | 20 năm |  |
|  | **4. Hồ sơ, tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải ở cơ sở, hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp nhỏ và vừa** |
|  | Hồ sơ thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương | 10 năm |  |
|  | Hồ sơ tổng hợp tình hình hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên ở cơ sở | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật trung ương theo quy định của pháp luật | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ về các hoạt động truyền thông chính sách trong xây dựng, thực hiện và hoàn thiện chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật | 10 năm |  |
|  | Hồ sơ tổ chức các hội thi, cuộc thi tìm hiểu pháp luật, hòa giải ở cơ sở | 10 năm |  |
|  | Hồ sơ xây dựng các tài liệu phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật, hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp nhỏ và vừa | 10 năm |  |
|  | Hồ sơ tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, kiểm tra các nhiệm vụ thuộc chức năng quản lý  | 05 năm |  |
|  | Hồ sơ triển khai các Đề án, chương trình về phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, tiếp cận pháp luật, hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp nhỏ và vừa | 20 năm |  |
|  | **5. Hồ sơ, tài liệu kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật**  |  |
|  | Hồ sơ, tài liệu kiểm tra, xử lý văn bản trái pháp luật | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ, tài liệu rà soát, xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật  | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ, tài liệu quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. | 20 năm |  |
|  | **6. Hồ sơ, tài liệu thi hành án dân sự, thi hành án hành chính**  |  |
|  | Hồ sơ xây dựng Báo cáo của Chính phủ về công tác thi hành án hàng năm | Vĩnh viễn |  |
|  | Hồ sơ về việc giao chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án hàng năm cho các cơ quan thi hành án  | Vĩnh viễn |  |
|  | Hồ sơ phê duyệt Danh sách việc thi hành án dân sự trọng điểm hàng năm | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ về việc thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự các cấp | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ chỉ đạo nghiệp vụ, hướng dẫn thi hành bản án, quyết định dân sự: |  |  |
| - Vụ việc phức tạp, kéo dài | Vĩnh viễn |  |
| - Vụ việc khác | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ thi hành bản án, quyết định dân sự, kinh doanh thương mại, lao động, hôn nhân gia đình, phá sản, trọng tài thương mại, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh có nhiều tình tiết phức tạp, kéo dài, phạm vi rộng và có sự tham gia phối hợp của nhiều bộ, ngành | Vĩnh viễn |  |
|  | Hồ sơ thi hành bản án, quyết định dân sự, kinh doanh thương mại, lao động, hôn nhân gia đình, phá sản, trọng tài thương mại, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, cho Tòa án nước ngoài | 50 năm |  |
|  | Hồ sơ thi hành bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài được Tòa án công nhận và cho thi hành tại Việt Nam | 50 năm |  |
|  | Hồ sơ thi hành bản án, quyết định dân sự.  | 50 năm |  |
|  | Hồ sơ thi hành bản án, quyết định hôn nhân và gia đình | 30 năm |  |
|  | Hồ sơ thi hành bản án, quyết định kinh doanh, thương mại; Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh, trọng tài thương mại | 30 năm |  |
|  | Hồ sơ thi hành bản án, quyết định lao động | 30 năm |  |
|  | Hồ sơ thi hành quyết định của Tòa án về giải quyết phá sản | 30 năm |  |
|  | Hồ sơ thi hành phần dân sự trong bản án, quyết định hình sự |  70 năm |  |
|  | Hồ sơ thi hành phần dân sự trong bản án hành chính | 30 năm |  |
|  | Hồ sơ thi hành phần án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí trong bản án, quyết định dân sự, kinh doanh thương mại, lao động, hôn nhân và gia đình, phá sản, trọng tài thương mại, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ theo dõi thi hành án hành chính | 10 năm |  |
|  | Hồ sơ thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của tòa án | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ đề nghị miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự: |  |  |
| - Được duyệt | 20 năm |  |
| - Không được duyệt | 10 năm |  |
|  | Hồ sơ hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự |  |  |
| - Vụ việc phức tạp, kéo dài | Vĩnh viễn |  |
| - Vụ việc khác | 20 năm |  |
|  | Các loại sổ thi hành án | Vĩnh viễn |  |
|  | Sổ thụ lý giải quyết khiếu nại, tố cáo | Vĩnh viễn |  |
|  | Sổ nhận đơn | 10 năm |  |
|  | Hồ sơ yêu cầu báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự | 10 năm |  |
|  | Hồ sơ đình chỉ việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự | 10 năm |  |
|  | Hồ sơ chuyển đơn, trả lời đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết; thông báo không thụ lý giải quyết khiếu nại, tố cáo | 05 năm |  |
|  | Hồ sơ thực hiện bồi thường nhà nước, chi trả tiền bồi thường nhà nước và thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo quy định: |  |  |
| - Vụ việc nghiêm trọng, số tiền bồi thường lớn, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành | Vĩnh viễn |  |
| - Vụ việc khác | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ, tài liệu xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính và thi hành án dân sự | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ xác nhận kết quả thi hành án dân sự, xét miễn giảm phí thi hành án dân sự | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ quản lý khoản thu phí thi hành án dân sự | 20 năm |  |
|  | **7. Hồ sơ, tài liệu bồi thường nhà nước**  |  |
|  | Hồ sơ giải quyết bồi thường nhà nước | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác liên quan đến bồi thường nhà nước | 10 năm |  |
|  | **8. Hồ sơ, tài liệu hộ tịch, quốc tịch, chứng thực** |  |
|  | Hồ sơ giải quyết thủ tục xin nhập, xin trở lại, xin thôi quốc tịch Việt Nam, tước quốc tịch Việt Nam, hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam  | Vĩnh viễn |  |
|  | Hồ sơ tra cứu quốc tịch Việt Nam, xác minh quốc tịch | 05 năm |  |
|  | Hồ sơ theo dõi việc thực hiện các quy định pháp luật về hộ tịch, quốc tịch, chứng thực | 10 năm |  |
|  | Hồ sơ giải quyết các việc về hộ tịch, quốc tịch, chứng thực theo quy định của pháp luật | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ về việc thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch cấp trái quy định của pháp luật | Vĩnh viễn |  |
|  | **09. Hồ sơ, tài liệu lý lịch tư pháp** |  |
|  | Hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp phiếu lý lịch tư pháp | 10 năm |  |
|  | Hồ sơ lý lịch tư pháp cá nhân (Bản án, trích lục bản án, quyết định thi hành án hình sự, giấy chứng nhận chấp nhận xong hình phạt, Lý lịch tư pháp của cá nhân và các tài liệu khác trong hồ sơ lý lịch tư pháp) | Đến khi cá nhân qua đời |  |
|  | **10. Hồ sơ, tài liệu con nuôi** |  |
|  | Hồ sơ giải quyết các vụ việc về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài  | Vĩnh viễn |  |
|  | Hồ sơ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài và quản lý Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ thu hồi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài và quản lý Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam. | 05 năm |  |
|  | Hồ sơ báo cáo phát triển của trẻ em được giải quyết làm con nuôi nước ngoài  | 05 năm |  |
|  | Hồ sơ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi quốc tế của Việt Nam |  |  |
| - Hồ sơ tổ công tác liên ngành | 10 năm |  |
| - Hồ sơ liên lạc, trao đổi, cung cấp thông tin pháp luật, số liệu thống kê, biểu mẫu chuẩn về nuôi con nuôi quốc tế của Việt Nam | 10 năm |  |
|  | **11. Hồ sơ, tài liệu bổ trợ tư pháp** |  |
|  | Hồ sơ cấp, cấp lại, thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sự, chứng chỉ hành nghề đấu giá, chứng chỉ hành nghề quản tài viên, Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam đối với luật sư nước ngoài | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm công chứng viên, thừa phát lại  | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam  | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ thay đổi nội dung Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam, Giấy phép thành lập Chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ lập, công bố và quản lý danh sách quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong phạm vi cả nước  | 10 năm |  |
|  | Hồ sơ cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép thành lập Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam  | 50 năm |  |
|  | Hồ sơ cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép thành lập Trung tâm hoà giải thương mại, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam  | 50 năm |  |
|  | Hồ sơ bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp, công nhận người, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc  | 20 năm  |  |
|  | Hồ sơ cấp, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực tư pháp | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ góp ý kiến về việc thành lập tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương  | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ cấp phép thành lập cơ sở đào tạo nghề luật sư; quy định chương trình khung đào tạo nghề luật sư, công chứng, đấu giá, thừa phát lại  | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ quản lý các hội tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ  | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ phối hợp với Bộ Nội vụ phê duyệt điều lệ của Liên đoàn luật sư Việt Nam và điều lệ Hiệp hội công chứng viên Việt Nam  | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ giám định tư pháp trong lĩnh vực tư pháp |  |  |
| - Vụ việc nghiêm trọng | Vĩnh viễn |  |
| - Vụ việc khác | 20 năm |  |
|  | **12. Hồ sơ, tài liệu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng** |  |
|  | Hồ sơ thực hiện hoạt động quản lý nhà nước về đăng ký biện pháp bảo đảm | 10 năm |  |
|  | Hồ sơ quản lý tổ chức và hoạt động đối với các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng, tài sản  | 10 năm |  |
|  | Hồ sơ cấp và quản lý tài khoản đăng ký trực tuyến, mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm  | 10 năm |  |
|  | Hồ sơ thực hiện việc cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền | 10 năm |  |
|  | **13. Hồ sơ, tài liệu trợ giúp pháp lý**  |  |
|  | Hồ sơ về các văn kiện Dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý  | 20 năm |  |
|  | Hồ sơ thực hiện trợ giúp pháp lý:  |  |  |
| Hồ sơ vụ việc thực hiện trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng  | 10 năm |  |
| Hồ sơ vụ việc thực hiện trợ giúp pháp lý bằng hình thức tư vấn pháp luật | 03 năm |  |
| Hồ sơ vụ việc thực hiện trợ giúp pháp lý bằng hình thức đại diện ngoài tố tụng | 03 năm |  |
|  | Hồ sơ thực hiện quản lý về tập sự trợ giúp pháp lý | 03 năm  |  |
|  | Hồ sơ phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở Trung ương:  |  |  |
| Hồ sơ về ban hành Kế hoạch phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tố tụng | 10 năm |  |
| Hồ sơ về thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành về công tác phối hợp TGPL trong hoạt động tố tụng | 10 năm |  |
|  | Hồ sơ kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý  | 05 năm  |  |